

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/DS-PT

Ngày 20/11/2024

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản,
quyền sở hữu tài sản và quyền khác
đối với tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà

Các Thẩm phán: Ông Lưu Anh Tuấn và bà Cao Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền khác đối với tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị U, sinh năm 1958, địa chỉ: Số A đường H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1981; địa chỉ: Hẻm B, đường T, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Minh P, sinh năm 1985, địa chỉ: Số A đường H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1993, địa chỉ: Số A đường H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Anh Phạm Duy K, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người kháng cáo: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. Ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị U

Vào ngày 03/3/1982, bà U và ông Phạm Công L1 có đăng ký kết hôn và có 04 người con chung gồm: Chị Phạm Thị Mỹ L, anh Phạm Minh P, anh Phạm Duy K và anh Phạm Ngọc B. Ông L1 có cha là cụ Phạm T, sinh năm 1920, chết năm 2011 và mẹ là cụ Nguyễn Thị L2, sinh năm 1928 chết năm 1997. Cho đến ngày 28/11/2021, ông L1 chết vì bệnh tật và không lập di chúc.

Bà U và ông L1 có tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Số tiền tiết kiệm 130.000.000 đồng được gửi vào sổ tiết kiệm có kỳ hạn ngày 04/4/2016, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần () Đầu tư V, chi nhánh P1, Phòng G, địa chỉ: Số I đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17, tại số A đường H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 ngày 26/01/2011 cho người sử dụng ông Phạm Công L1 và bà Trần Thị U. Tài sản gắn liền với thửa đất gồm: Nhà 02 tầng và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 90 m², tổng diện tích sử dụng 176,27 m².

Ngoài ra còn một số tài sản khác chưa tranh chấp nên bà U không yêu cầu.

Hiện nay bà U già yếu đang đau nhiều bệnh tật, bà U cần có số tiền để chữa bệnh và lo cho các con còn khó khăn, bà U có liên hệ đến ngân hàng nơi vợ chồng bà U gửi tiền tiết kiệm vào năm 2016 để rút số tiền 130.000.000 đồng. Hiện 03 con trai bà U đồng ý cho bà U rút khoản tiền trên, còn con gái là Phạm Thị Mỹ L không đồng ý, mặc dù bà U đã đến nhà con gái thương lượng, năn nỉ nhiều lần, nhưng chị L vẫn không đồng ý ký cho bà U được rút số tiền trên theo hướng dẫn quy định của ngân hàng. Vì vậy, số tiền này bà U không thể rút được.

Đồng thời chị Phạm Thị Mỹ L đang chiếm giữ trái pháp luật Giấy chứng nhận số BĐ 365929 kể từ ngày 11/9/2013 để vay vốn ngân hàng cho đến hiện nay. Được biết chị Phạm Thị Mỹ L đã trả tiền xong cho ngân hàng nhưng vẫn chiếm giữ giấy chứng nhận này mặc dù bà U đã gặp và yêu cầu trả lại nhiều lần nhưng không chị L cố tình không trả.

Vì vậy, bà U yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu công nhận tài sản chung của bà Trần Thị U và ông Phạm Công L1 gồm:

Số tiền tiết kiệm 130.000.000 đồng được gửi vào sổ tiết kiệm có kỳ hạn ngày 04/4/2016 và tiền lãi phát sinh, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần () Đầu

tư V, chi nhánh P1, Phòng G, địa chỉ: Số I đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17, tại số A đường H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 ngày 26/01/2011 cho người sử dụng ông Phạm Công L1 và bà Trần Thị U. Tài sản gắn liền với thửa đất gồm: Nhà 02 tầng và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 90 m², tổng diện tích sử dụng 176,27 m².

- Bà U yêu cầu được nhận ½ trị giá tài sản nêu trên tương ứng số tiền 1.850.000.000 đồng là trị giá nhà và đất; ½ số tiền tiết kiệm là 65.000.000 đồng và ½ tiền lãi phát sinh.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Công L1 là phần tài sản của ông L1 trong khối tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật. Phần di sản của U được hưởng tương ứng số tiền 370.000.000 đồng phần tài sản là nhà và đất; số tiền 13.000.000 đồng và 1/5 tiền lãi phát sinh của tiền tiết kiệm.

- Bà U có nguyện vọng được nhận tài sản là nhà và đất và thanh toán lại tiền cho các con theo quy định của pháp luật.

- Buộc chị Phạm Thị Mỹ L phải trả lại cho bà U 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 do UBND thành phố P cấp ngày 26/01/2011.

1.2. Ý kiến của bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L:

Bà Phạm Thị Mỹ L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp ý kiến, yêu cầu và tài liệu, chứng cứ.

1.3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K

Các anh nhất trí với ý kiến trình bày của bà U về quan hệ huyết thống gia đình về hàng thừa kế và về di sản thừa kế của ông Phạm Công L1 để lại.

Đối với phần di sản của ông L1 để lại là tiền tiết kiệm được hưởng số tiền 13.000.000 đồng và 1/5 tiền lãi phát sinh của tiền tiết kiệm thì từ chối không nhận di sản này và giao cho bà U được hưởng toàn bộ số tiền các anh được hưởng.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 213, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649 và 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Công nhận tài sản chung hợp nhất của bà Trần Thị U và ông Phạm Công L1 đối với tài sản:

- Tiền tiết kiệm của ông Phạm Công L1 đứng tên chủ tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP V (Chi nhánh P1, Phòng G), mã số khách hàng: 8438909, số tài khoản 806260055995, Seri ấn chỉ AAB0822857 đến thời điểm ngày 10/6/2024 số tiền là 216.164.032 đồng (gốc là 130.000.000 đồng lãi là 96.164.032 đồng).

- Nhà và đất tại địa chỉ: A H, Tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nhà 02 tầng và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 90 m², tổng diện tích sử dụng 176,27 m² được xây dựng trên thửa đất số 14 (nay là thửa số 70), tờ bản đồ số 17, diện tích 90,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 do UBND thành phố P cấp ngày 26/01/2011 có giá trị là 3.700.000.000 đồng.

Bà Trần Thị U được nhận 1/2 giá trị tài sản tài sản chung hợp nhất là 1.958.082.016 đồng.

Chia di sản của ông Phạm Công L1 để lại:

- Đối với tiền tiết kiệm của ông Phạm Công L1:

Chị Phạm Thị Mỹ L và bà Trần Thị U mỗi người được nhận số tiền tiết kiệm là 21.616.403 đồng (gốc là 13.000.000 đồng, lãi phát sinh đến ngày 10/6/2024 là 8.616.403 đồng).

Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế tài sản của anh Phạm Minh P, Phạm Ngọc B và Phạm Duy K cho bà Trần Thị U số tiền tiết kiệm tổng cộng 64.849.210 đồng.

Tổng số tiền tiết kiệm bà U được nhận là 86.465.613 đồng (gốc là 52.000.000 đồng lãi phát sinh đến ngày 10/6/2024 là 34.465.613 đồng).

Chị Phạm Thị Mỹ L và bà Trần Thị U được quyền liên hệ với Ngân hàng TMCP V (Chi nhánh P1) để nhận số tiền trên theo quy định.

- Đối với nhà và đất tại địa chỉ A H, Tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai:

Giao cho bà Trần Thị U được quyền sở hữu và sử dụng: Nhà 02 tầng và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 90 m², tổng diện tích sử dụng 176,27 m² được xây dựng trên thửa đất số 14 (nay là thửa số 70), tờ bản đồ số 17, diện tích 90,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 do UBND thành phố P cấp ngày 26/01/2011.

Bà Trần Thị U có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mỹ L, anh Phạm Minh P, anh Phạm Ngọc B và anh Phạm Duy K mỗi người số tiền là 370.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị U buộc chị Phạm Thị Mỹ L phải trả lại cho bà U 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 do UBND thành phố P cấp ngày 26/01/2011.

- Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 do UBND thành phố P cấp ngày 26/01/2011 bị thất lạc, bà Trần Thị U có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo theo nội dung của bản án này.

- Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị Mỹ L, anh Phạm Minh P, anh Phạm Ngọc B và anh Phạm Duy K mỗi người phải hoàn trả cho bà Trần Thị U số tiền là 580.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Bà Trần Thị U được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Phạm Thị Mỹ L, anh Phạm Minh P, anh Phạm Ngọc B và anh Phạm Duy K mỗi người phải chịu 18.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K có đơn kháng cáo về một phần nội dung bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao toàn bộ phần di sản thừa kế mà các ông được hưởng cho nguyên đơn bà Trần Thị U.

Nguyên đơn bà Trần Thị U, bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L không kháng cáo.

Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Trần Thị U rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản của ông Phạm Công L1 để lại là Tiền tiết kiệm của ông Phạm Công L1 đứng tên chủ tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP V (Chi nhánh P1, Phòng G), mã số khách hàng: 8438909, số tài khoản 806260055995, Seri ấn chỉ AAB0822857 đến thời điểm ngày 10/6/2024 số tiền là 216.164.032 đồng (gốc

là 130.000.000 đồng lãi là 96.164.032 đồng). Hiện nay số tiền tiết kiệm này các bên đương sự đã tự thỏa thuận thực hiện xong và không còn tranh chấp. Đối với các yêu cầu khởi kiện khác nguyên đơn giữ nguyên.

- Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L đồng ý với ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị U về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản của ông Phạm Công L1 để lại là tiền tiết kiệm, hiện nay vấn đề các bên đã tự thỏa thuận thực hiện xong và không còn tranh chấp. Bà L trình bày không đồng ý đối với việc định giá căn nhà và đất tại địa chỉ A H, Tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai có giá 3.700.000.000đ bà cho là thấp so với giá thị trường. Bà có ý kiến sẽ kiến nghị vấn đề này sau.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao toàn bộ phần di sản thừa kế mà các ông được hưởng cho nguyên đơn bà Trần Thị U.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị U và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K tự thỏa thuận được với nhau về việc giao toàn bộ di sản thừa kế mà ông P, ông B và ông K cho bà U sở hữu.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 2, 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Hủy và đình chỉ giải quyết một phần đối với yêu cầu về việc chia di sản của ông Phạm Công L1 để lại là tiền tiết kiệm của ông Phạm Công L1 đứng tên chủ tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP V (Chi nhánh P1, Phòng G), mã số khách hàng: 8438909, số tài khoản 806260055995, Seri ấn chỉ AAB0822857 đến thời điểm ngày 10/6/2024 số tiền là 216.164.032 đồng (gốc là 130.000.000 đồng lãi là 96.164.032 đồng).

Sửa bản án dân sự sơ thẩm về việc công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản của anh Phạm Minh P, Phạm Ngọc B và Phạm Duy K cho bà Trần Thị U tương ứng với số tiền 1.110.000.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao toàn bộ phần di sản thừa kế mà các ông được hưởng cho nguyên đơn bà Trần Thị U, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Điều 620 của Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 620. Từ chối nhận di sản

1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

2. Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.

3. Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.”

Như vậy, những người thừa kế di sản của ông Phạm Công L1 là ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K được quyền từ chối nhận di sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K tự nguyện giao toàn bộ phần di sản do các ông được hưởng cho mẹ đẻ là bà Trần Thị U. Xét thấy ý chí nguyện vọng của ông P, B, K là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không nhằm mục đích từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản của anh Phạm Minh P, Phạm Ngọc B và Phạm Duy K cho bà Trần Thị U.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trần Thị U rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản của ông Phạm Công L1 để lại là tiền tiết kiệm của ông Phạm Công L1 đứng tên chủ tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP V (Chi nhánh P1, Phòng G), mã số khách hàng: 8438909, số tài khoản 806260055995, Seri ấn chỉ AAB0822857 đến thời điểm ngày 10/6/2024 số tiền là 216.164.032 đồng (gốc là 130.000.000 đồng lãi là 96.164.032 đồng). Hiện nay số tiền tiết kiệm này các bên đương sự đã tự thỏa thuận, thực hiện xong và không còn tranh chấp gì.

Do đó, đối với yêu cầu này mà cấp sơ thẩm đã tuyên cần hủy và đình chỉ giải quyết trong vụ án này là phù hợp, đúng nguyện vọng của các bên đương sự.

[4]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 213, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649 và 650; điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Về phần tiền tiết kiệm của ông Phạm Công L1 đứng tên chủ tài khoản mở tại Ngân hàng TMCP V (Chi nhánh P1, Phòng G), mã số khách hàng: 8438909, số tài khoản 806260055995, Seri ấn chỉ AAB0822857 đến thời điểm ngày 10/6/2024 số tiền là 216.164.032 đồng (gốc là 130.000.000 đồng lãi là 96.164.032 đồng).

Và chia di sản của ông Phạm Công L1 để lại đối với tiền tiết kiệm của ông Phạm Công L1:

Chị Phạm Thị L và bà Trần Thị U mỗi người được nhận số tiền tiết kiệm là 21.616.403 đồng (gốc là 13.000.000 đồng, lãi phát sinh đến ngày 10/6/2024 là 8.616.403 đồng).

Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản của anh Phạm Minh P, Phạm Ngọc B và Phạm Duy K cho bà Trần Thị U số tiền tiết kiệm tổng cộng 64.849.210 đồng.

Tổng số tiền tiết kiệm bà U được nhận là 86.465.613 đồng (gốc là 52.000.000 đồng lãi phát sinh đến ngày 10/6/2024 là 34.465.613 đồng).

Chị Phạm Thị Mỹ L và bà Trần Thị U được quyền liên hệ với Ngân hàng TMCP V (Chi nhánh P1) để nhận số tiền trên theo quy định.

3. Chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về “Tranh chấp về thừa kế tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền khác đối với tài sản” giữa nguyên đơn bà Trần Thị U với bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ L.

- Công nhận tài sản chung hợp nhất của bà Trần Thị U và ông Phạm Công L1 đối với tài sản: Quyền sử dụng thửa đất số 14 (nay là thửa đất số 70), tờ bản đồ số 17, diện tích 90,1m², tại số A đường H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 ngày 26/01/2011 cho người sử dụng ông Phạm Công L1 và bà Trần Thị U. Tài sản gắn liền với thửa đất gồm: Nhà 02 tầng và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 90 m², tổng diện tích sử dụng 176,27 m².

- Bà Trần Thị U được nhận 1/2 giá trị tài sản tài sản chung hợp nhất là 1.958.082.016 đồng.

- Đối tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số A đường H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai:

- Giao cho bà Trần Thị U được quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số số 14 (nay là thửa đất số 70), tờ bản đồ số 17, diện tích 90,1m², tại số A đường H, tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 ngày 26/01/2011 cho người sử dụng ông Phạm Công L1 và bà Trần Thị U. Tài sản gắn liền với thửa đất gồm: Nhà 02 tầng và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 90 m², tổng diện tích sử dụng 176,27 m².

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản của anh Phạm Minh P, Phạm Ngọc B và Phạm Duy K cho bà Trần Thị U tương ứng với số tiền 1.110.000.000 đồng.

- Bà Trần Thị U có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mỹ L số tiền là 370.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị U buộc chị Phạm Thị Mỹ L phải trả lại cho bà U 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 do UBND thành phố P cấp ngày 26/01/2011.

5. Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 365929 do UBND thành phố P cấp ngày 26/01/2011 bị thất lạc, bà Trần Thị U có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung của bản án này.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị Mỹ L, anh Phạm Minh P, anh Phạm Ngọc B và anh Phạm Duy K mỗi người phải hoàn trả cho bà Trần Thị U số tiền là 580.000 đồng.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về án phí:

8.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị U được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Mỹ L phải chịu 18.500.000đ (mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8.2. Về án phí dân sự phúc thẩm

Trả lại cho ông Phạm Minh P, ông Phạm Ngọc B và ông Phạm Duy K số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001974 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THA dân sự thành phố Pleiku;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

Lê Văn Hà